

CHUYÊN MỤC

TƯ VẤN CHÍNH SÁCH

BÀN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM

PHẠM NGUYỄN NGỌC ANH

Kể từ khi thực hiện đường lối Đổi mới (1986) đến nay, sự phát triển các khu công nghiệp (KCN) đã góp phần quan trọng vào việc làm thay đổi căn bản diện mạo và cơ cấu của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước đưa đất nước hướng tới mục tiêu trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, đối lập với bức tranh toàn cảnh ấy thì những tác động tiêu cực của các KCN đối với kinh tế xã hội cũng đặt ra nhiều vấn đề quan trọng cần phải giải quyết để phát triển bền vững, như: vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và bền vững; vấn đề việc làm, thu nhập và mức sống của người lao động trong các KCN; vấn đề đô thị hóa, văn hóa công nghiệp và ô nhiễm môi trường... Bài viết nhằm góp phần nhận diện những tác động tiêu cực trên, từ đó đề xuất những kiến nghị, giải pháp khắc phục để các KCN phát triển đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kể từ khi Khu chế xuất Tân Thuận (TPHCM) - khu công nghiệp đầu tiên được thành lập năm 1991, đến nay các KCN trên cả nước đã phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất

lượng. Theo quy hoạch tổng thể phát triển các KCN ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cả nước sẽ có 463 KCN với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 139,5 ngàn ha. Trong đó, ước tính đến hết tháng 12/2015, trên phạm vi cả nước có 304 KCN được thành lập, với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 85,2 ngàn ha,

Phạm Nguyễn Ngọc Anh. Thạc sĩ. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Ngô Quyền.

diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê đạt 56 ngàn ha (chiếm khoảng 66% tổng diện tích đất tự nhiên). Các KCN được thành lập trên 60 tỉnh, thành phố, chủ yếu tập trung tại các vùng kinh tế trọng điểm nhằm phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng. Theo báo cáo của Vụ Quản lý Khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến nay các KCN trên cả nước thu hút được 6.160 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 95 tỷ USD, tổng vốn đầu tư đã thực hiện đạt 58,5 tỷ USD, bằng 61,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Riêng kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 đã có thêm 2.198 dự án FDI mới và giải ngân thêm khoảng 41,4 tỷ USD. Ước tính đến cuối tháng 12/2015, các KCN trong cả nước thu hút được 5.750 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký 570 ngàn tỷ đồng, tổng vốn đầu tư đã thực hiện đạt 310 ngàn tỷ đồng, bằng 54% tổng vốn đầu tư đăng ký (Phạm Nguyễn Ngọc Anh tổng hợp từ báo cáo của Vụ Quản lý khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2015).

Để có được các thành quả trên, trước hết, phải kể đến sự chỉ đạo của chính phủ, đặc biệt là với việc ban hành Nghị định 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; tiếp đến là sự nỗ lực của chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động trên từng địa bàn.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian 5 - 7 năm trở lại đây, với quy mô phát triển

rộng theo kiểu “trăm hoa đua nở”, mô hình phát triển của các khu/cụm công nghiệp đã trở thành tâm điểm của nhiều cuộc tranh luận sôi động, bàn về nhiều vấn đề khác nhau: về hiệu quả kinh tế - xã hội, về tác động đến các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của mỗi địa phương, đến an ninh lương thực quốc gia... Nổi bật lên trong số đó là các vấn đề liên quan đến tác động của các khu công nghiệp tới sự phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương. Sự tác động này diễn ra theo hai mặt: tích cực và tiêu cực. Về mặt tích cực, khu công nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, làm tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, cải thiện và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bổ sung nguồn thu ngân sách cho các địa phương và của quốc gia... (Nguyễn Văn Minh, 2011; Nguyễn Bình Giang, 2012). Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp tích cực, thì các khu công nghiệp cũng mang lại những hệ lụy kinh tế-xã hội đáng kể.

2. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN KINH TẾ-XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Trong bài viết này tác giả sử dụng nguồn tư liệu thứ cấp để phân tích là chủ yếu, bao gồm các thông tin khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được khai thác ở Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bên cạnh đó, tác giả cũng kế thừa kết quả của các nghiên

cứu trước đây, như: *Đánh giá tác động của khu công nghiệp tới kinh tế xã hội vùng lân cận* (Nguyễn Văn Minh, 2011); *Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp Việt Nam* (Nguyễn Bình Giang, 2012); *Đời sống công nhân ở khu công nghiệp, khu chế xuất* (Phạm Nguyễn Ngọc Anh, 2014). Các nghiên cứu này, bao gồm cả nghiên cứu định tính và định lượng đã đánh giá những thành tựu và hạn chế của các khu công nghiệp ở Việt Nam trên các khía cạnh khác nhau. Đây là những nguồn số liệu đáng tin cậy để phân tích về các khu công nghiệp, đặc biệt là việc phân tích những tác động tiêu cực của chúng tới nền kinh tế - xã hội Việt Nam.

2.1. Cơ cấu kinh tế đang bộc lộ những bất cập

Việc phát triển các khu công nghiệp là một phương thức nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đã xuất hiện tình trạng mất cân đối trong cơ cấu kinh tế.

(i) Cơ cấu ngành

Về cơ bản, các khu công nghiệp phải giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích của địa phương nhận đầu tư và nhà đầu tư. Trong thực tế, quan hệ lợi ích này không phải lúc nào cũng thống nhất với nhau. Mục đích cao nhất của các nhà đầu tư là lợi nhuận tối đa. Do đó, những ngành, lĩnh vực, dự án có tỷ suất lợi nhuận cao được các nhà đầu tư quan tâm; còn những dự án, những lĩnh vực dù rất cần thiết cho dân sinh, nhưng không đưa lại lợi

nhuận thỏa đáng thì nhà đầu tư ít quan tâm. Từ đó, cơ cấu ngành kinh tế của các địa phương nảy sinh sự mất cân đối. Mặc dù mức đầu tư vào các khu công nghiệp tăng lên hàng năm nhưng chủ yếu lại là lĩnh vực gia công, chế biến; trong khi đó sự phát triển của hệ thống công nghiệp phụ trợ theo mong muốn ban đầu của các địa phương gặp nhiều khó khăn, ngành dịch vụ tuy phát triển nhưng chủ yếu cũng tập trung vào xây dựng và kinh doanh bất động sản... Tuy nhiên các dự án bất động sản có tỷ lệ giải ngân thấp, và thường nhà đầu tư chỉ bỏ ra số vốn ban đầu sau đó dùng những biện pháp khác nhau để kêu gọi nguồn vốn. Vì thế, thị trường bất động sản của Việt Nam cũng trở nên ít ổn định (Trần Đình Thiên, 2013).

(ii) Cơ cấu vùng

Các dự án phát triển khu công nghiệp trải rộng trên cả nước nhưng lại tập trung chủ yếu tại các địa bàn trọng điểm, có lợi thế như Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: TPHCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu; Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Nguyên. Ngược lại những vùng có cơ sở hạ tầng chưa tốt, xa các trung tâm kinh tế thì rất khó thu hút các dự án đầu tư. Chênh lệch về đầu tư vốn giữa các ngành, vùng đang tạo ra những khoảng cách ngày càng lớn giữa các địa phương, làm gia tăng khoảng cách giữa thành thị và nông thôn về cả mức sống, văn hóa, xã hội.

(iii) Cơ cấu lao động

Theo Nguyễn Bình Giang (2012, tr. 65), ở các doanh nghiệp FDI trong các KCN, tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học chỉ chiếm 10%, trung cấp nghề và công nhân kỹ thuật là 20%, công nhân có tay nghề nhưng không có bằng cấp chiếm 28%, lao động phổ thông chiếm tới 42%. Trong khu vực này lao động nữ là chủ yếu (chiếm 69%). Như vậy vấn đề cơ cấu lao động trong các KCN đang có những bất cập như: Các KCN chủ yếu vẫn bao gồm một số lượng lớn các doanh nghiệp thâm dụng lao động, chưa chú trọng đầu tư công nghệ cao, sản xuất sạch, thân thiện môi trường phù hợp với xu hướng của thế giới, nói cách khác là xây dựng và phát triển các KCN sinh thái, hướng đến nền kinh tế tri thức (Phạm Nguyễn Ngọc Anh, 2011, tr. 34).

2.2. Vấn đề việc làm, thu nhập và mức sống

Khu công nghiệp là mô hình kinh tế góp phần tích cực vào giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và mức sống của nhân dân. Theo đó, các mô hình kinh tế này tạo ra những việc làm trực tiếp cho lao động phổ thông và lao động có tay nghề cao; gián tiếp tạo ra những việc làm trong các lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cho những khu vực lân cận. Theo báo cáo của Vụ Quản lý khu công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến giữa năm 2015, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trong cả nước giải quyết hơn 2,3 triệu lao động. Tuy nhiên, các KCN cũng mang lại những ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm, thu nhập và mức sống

của người lao động như: Phát triển các KCN có thể tạo ra tình trạng thất nghiệp cục bộ ở vùng nông thôn các địa phương. Bởi đất nông nghiệp là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông dân; nhường đất cho KCN đồng nghĩa với việc người dân mất tư liệu sản xuất và mất việc làm trong nông nghiệp. Tính trung bình cứ mỗi KCN ra đời sẽ làm cho khoảng 2.500 - 3.000 người mất việc trong nông nghiệp. Nếu người nhường đất không mua được đất nông nghiệp ở nơi khác để sản xuất tiếp, hoặc nếu không được tuyển dụng vào các nhà máy trong khu công nghiệp vì quy hoạch treo, vì quá tuổi tuyển dụng hay vì tay nghề không có... họ có thể rơi vào tình trạng không có việc làm (Phạm Nguyễn Ngọc Anh, 2013, tr. 150).

2.3. Vấn đề đô thị hóa và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

Các KCN đã góp phần hình thành nhiều khu đô thị mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội để thu hút đầu tư, góp phần mang lại văn minh đô thị, cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cho các địa phương. Diện mạo của Việt Nam đã thay đổi nhanh chóng trong hơn hai thập kỷ qua, hình hài một xã hội công nghiệp đang được hình thành và phát triển từ chính các KCN. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng còn chứa đựng nhiều bất cập về vấn đề giao thông và quy hoạch hệ thống hạ tầng cơ sở. Hệ thống giao thông trong các KCN chưa đáp ứng yêu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hóa trong những giờ cao điểm. Hiện tượng ùn tắc giao

thông, tai nạn giao thông, ô nhiễm khói bụi và tiếng ồn còn diễn ra ở nhiều nơi trong các KCN. Có nơi hệ thống đường sá chưa được xây dựng đồng bộ, gây nhiều bức xúc và lo lắng cho người dân trong vùng. Tình trạng trên có thể do quy hoạch hệ thống giao thông và các cơ sở hạ tầng khác tại khu công nghiệp và khu vực xung quanh chưa đáp ứng yêu cầu hoặc có tình trạng quy hoạch treo. Sự ngưng trệ này dẫn đến các kế hoạch “an cư” khác của người dân bị trì hoãn theo và đời sống tạm bợ của nhân dân ở các vùng quy hoạch treo vẫn cứ tiếp diễn xung quanh các KCN. Ngoài ra, hệ thống đường giao thông đã được xây dựng cũng ngày càng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do các xe có trọng tải lớn lưu thông trong và quanh các KCN.

2.4. Những nguy cơ đe dọa trật tự an toàn xã hội ngày càng gia tăng

Việc thu hút, sử dụng lao động phổ thông ngoại tỉnh vào các KCN ở các địa phương trên cả nước đã làm tình hình trật tự, an toàn xã hội thêm phức tạp. Sự tập trung lao động nhập cư với những khác biệt về trình độ học vấn và tập quán sinh hoạt... đã gây nhiều xáo trộn, bất ổn về an ninh, trật tự tại các địa phương quanh khu công nghiệp. Với mức tiền lương thấp, điều kiện nhà ở khó khăn, nhu cầu vui chơi, giải trí, giao lưu tình cảm,... của các lao động nhập cư không được thỏa mãn đầy đủ, thậm chí ít được tiếp cận với thông tin báo chí, phát thanh truyền hình (Nguyễn Hữu Dũng, 2009, tr. 27-31). Đặc biệt trong các KCN có

nhiều lao động nữ, vấn đề hôn nhân gia đình trở nên bức xúc nhưng chưa được các cơ quan, doanh nghiệp quan tâm thỏa đáng. Các doanh nghiệp trong KCN phần lớn là của tư nhân, một số là liên doanh giữa tư nhân và nhà nước; do vậy quan hệ lao động chủ yếu là quan hệ chủ - thợ, thường nảy sinh mâu thuẫn lợi ích. Người sử dụng lao động muốn tăng thời gian lao động, trả lương vừa phải để thu lợi nhuận nhiều; còn người lao động đòi tăng lương, giảm giờ làm. Mặc dù Luật lao động đã quy định quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, việc giải quyết mâu thuẫn giữa chủ và thợ, kể cả đình công, bãi công, nhưng trên thực tế vẫn tồn tại hai vấn đề cần được lưu ý. Thứ nhất, người lao động thiếu hiểu biết luật pháp, chưa được tổ chức công đoàn hướng dẫn việc đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ. Thứ hai, chủ doanh nghiệp thiếu tôn trọng luật pháp, chưa ứng xử phù hợp với văn hóa và tập quán người Việt Nam; không thực hiện đúng quy định của Chính phủ về tiền lương, thời gian lao động và các nghĩa vụ khác của doanh nghiệp đối với người lao động. Tình trạng hợp đồng lao động bị vi phạm, chế độ bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế không được đảm bảo. Hậu quả của tình trạng này là những cuộc đình công, lãn công và rất dễ chuyển hóa thành biểu tình, gây rối của công nhân trong các khu công nghiệp. Thậm chí, khi bị kẻ xấu lợi dụng, kích động rất có khả năng biến thành các vấn đề phức tạp, gây mất

ổn định an ninh chính trị của đất nước. Cuộc biểu tình đốt phá ở nhiều khu công nghiệp miền Đông Nam Bộ trong các ngày 13 - 14/5/2014, khi Trung Quốc đặt giàn khoan HD981 vào vùng biển của Việt Nam là một ví dụ điển hình cho tình trạng còn bất ổn này ở các khu công nghiệp.

2.5. Vấn đề ô nhiễm môi trường trong và ngoài KCN

Cùng với những lợi ích mà các KCN mang lại thì môi trường trong và ngoài KCN cũng đang đối mặt với những thách thức. Ô nhiễm nguồn nước, không khí, rác thải từ các nhà máy trong các KCN đã ở mức cao và đang có xu hướng tiếp tục gia tăng, đe dọa đến môi trường dân sinh. Tỷ lệ các KCN, các doanh nghiệp trong KCN có hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn còn rất thấp so với yêu cầu quản lý môi trường. Với mục tiêu là lợi nhuận cao nên các doanh nghiệp thường không chú ý tới việc bảo vệ môi trường, một số doanh nghiệp không tự giác trong việc tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, có những hành vi vi phạm, thậm chí rất tinh vi. Hệ thống văn bản pháp luật, các quy định về kiểm soát và xử lý vấn đề môi trường của Việt Nam hiện nay khá nhiều nhưng vẫn chưa đủ mạnh để đảm bảo môi trường trong KCN. Công tác quản lý môi trường còn lỏng lẻo, việc xử lý các doanh nghiệp vi phạm chưa nghiêm (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009).

3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TÁC ĐỘNG

TRÁI CHIỀU CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Để khắc phục những tác động trái chiều từ quá trình phát triển các KCN đến kinh tế-xã hội của nước ta, cần thực hiện đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp với nhiều chủ thể tiến hành. Trước hết, chúng tôi đề xuất ba nhóm giải pháp sau:

Một là, nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển các KCN phù hợp với đặc điểm địa chính trị, kinh tế và lợi thế của các địa phương

Quy hoạch được coi là yếu tố quan trọng giúp xác định mục tiêu, phương hướng cho sự phát triển của KCN. Dù vậy, công tác quy hoạch phát triển các KCN còn bộc lộ những bất cập như thiếu tầm chiến lược, thiếu tính dự báo và định hướng; chưa đặt các địa phương trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế trọng điểm và của cả nước; thiếu sự gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội và với các vấn đề môi trường, nguồn nhân lực; chưa phát huy được lợi thế của các địa phương và các vùng. Tất cả những điều đó dẫn đến tình trạng mất cân đối trong cơ cấu kinh tế gồm cả cơ cấu ngành, vùng và lao động. Vì vậy:

(i) Công tác xây dựng quy hoạch cần được hoạch định cho những thời kỳ đủ dài và phải đi trước một bước so với yêu cầu thực tiễn. Việc quy hoạch nên dựa trên cơ sở nghiên cứu những kinh nghiệm thành công của các quốc gia có điểm xuất phát tương đồng, tranh thủ ý kiến và sự tham gia của

các chuyên gia, nhà quản lý trong và ngoài nước.

(ii) Việc quy hoạch phát triển các KCN cần dựa trên dự báo về tốc độ phát triển công nghiệp của các địa phương và của cả nước; vào đặc điểm địa chính trị, kinh tế để quy hoạch ngành, vùng, lao động. Khi quy hoạch không nên chạy theo số lượng dự án thu hút vào các KCN mà đánh đổi những lợi ích lâu dài về môi trường, sức khỏe và mức sống của người dân. Các KCN ở Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào các ngành thâm dụng lao động; trong khi đó các ngành công nghệ cao, chính xác, chế tạo máy móc... lại ít được quan tâm quy hoạch phát triển; vì thế cần xây dựng quy hoạch, lộ trình và triển khai các ngành công nghệ cao một cách quyết liệt hơn, nhất là những vùng có điều kiện, lợi thế phát triển.

(iii) Việc quy hoạch phải gắn với yêu cầu khắc phục những yếu kém từ hạ tầng cơ sở và vấn đề đô thị hóa. Nổi cộm nhất trong các KCN là vấn đề giao thông và quy hoạch của các khu đô thị “nửa phố, nửa làng”; những đô thị, nhà ở, chung cư không có người ở, gây thiệt hại rất lớn cho các doanh nghiệp xây dựng hạ tầng KCN, khiến quỹ đất nông nghiệp trở thành hoang hóa, ảnh hưởng đến an ninh lương thực và ngân sách địa phương, nhà nước. Vì vậy, quy hoạch cần dự tính vị trí đặt KCN phải đảm bảo tính bền vững, cần xác định rõ những ngành nghề cụ thể được phép đầu tư vào những vị trí này. Vị trí đặt KCN không được làm ảnh hưởng tới hành lang phát triển các đô thị trong tương lai;

đảm bảo giao thông ra vào các KCN, tránh hiện tượng tắc nghẽn, cản trở đến hoạt động sản xuất và dân sinh.

(iv) Quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cần có sự điều chỉnh định kỳ để phù hợp với diễn biến thực tế. Nên đánh giá và điều chỉnh quy hoạch theo định kỳ 5 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Hai là, ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân tại các KCN

(i) Doanh nghiệp trong các khu công nghiệp phải trả lương đảm bảo mức sống tối thiểu của người công nhân. Theo Nghị định 122/2015 NĐ-CP thì kể từ ngày 1/1/2016, mức lương tối thiểu tương ứng với các vùng I, II, III, IV là: 3,5 triệu đồng; 3,1 triệu đồng; 2,7 triệu đồng và 2,4 triệu đồng. Tuy nhiên, mức lương nói trên cũng chỉ mới đáp ứng được khoảng 80% mức sống tối thiểu (Phạm Minh Huân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Chủ tịch Hội đồng Tiền lương quốc gia).

(ii) Chăm lo đời sống văn hóa cho công nhân trong các KCN. Trước hết cần xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, chính sách về phát triển đời sống văn hóa cho công nhân lao động tại các KCN, trong đó cần đảm bảo huy động 3 nguồn lực: sự đầu tư của chính quyền địa phương; sự đóng góp của các doanh nghiệp; nguồn xã hội hóa, tổ chức công đoàn và toàn xã hội. Dự án quy hoạch tổng thể các KCN phải chú ý đến việc xây dựng và phát

triển các dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế, khu vui chơi giải trí.

(iii) Phát triển nhà ở, nhân rộng mô hình nhà lưu trú cho công nhân trong các KCN. Để có thể giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân trong các KCN thì cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân địa phương. Đó là khuyến khích xã hội hóa về nhà ở, đồng thời thực hiện chính sách tạo điều kiện, khắc phục tư tưởng “thả nổi” cho thị trường tự điều tiết; cần huy động sự tham gia của nhiều thành phần, sự nỗ lực của bản thân người lao động, trách nhiệm của người sử dụng lao động, sự tạo điều kiện của Nhà nước và sự hỗ trợ của cộng đồng xã hội.

(iv) Cần tăng cường giáo dục pháp luật, phổ biến các quy định và chế độ cho người lao động nói chung và công nhân trong các KCN nói riêng, góp phần làm giảm tỷ lệ vi phạm pháp luật, các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống mới trong các khu dân cư lân cận KCN. Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật, luật hôn nhân và gia đình, các biện pháp phòng tránh thai, tình dục an toàn, xây dựng lối sống lành mạnh, tình yêu trong sáng, các khu trọ có văn hóa, giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ các tệ nạn xã hội.

Ba là, thực hiện chính sách phòng ngừa, tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trong và ngoài khu công nghiệp

Một trong những tác động trái chiều trong quá trình phát triển đó là tình trạng ô nhiễm môi trường trong và ngoài các KCN. Ô nhiễm môi trường

hết sức đa dạng gồm cả môi trường nước, chất thải, không khí và tiếng ồn; do vậy, cần phải có những giải pháp thiết thực và cấp bách để phòng ngừa và bảo vệ môi trường trong các KCN. Đây là một nội dung quan trọng cần thực hiện để đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của phát triển bền vững.

(i) Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp trong KCN. Cụ thể, tiến hành tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức, chủ trương, pháp luật bảo vệ môi trường; Định kỳ phân loại các doanh nghiệp đạt và không đạt các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường bằng cách công bố “Sách xanh” các KCN. Công khai và có chế tài đối với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật hoặc thực hiện không tốt các tiêu chí về bảo vệ môi trường và khuyến khích những doanh nghiệp làm tốt công tác bảo vệ môi trường.

(ii) Cần nâng cao chất lượng công tác thẩm định thành lập KCN, nhất là thẩm định về yếu tố môi trường. Theo đó, hồ sơ dự án khả thi phải đánh giá được tổng lượng khí thải, nước thải, rác thải và chất thải nguy hại do các doanh nghiệp thải ra cũng như mức độ ô nhiễm môi trường, để từ đó có phương án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải với quy mô, chất lượng xử lý đạt yêu cầu. Kết hợp giữa việc kiểm tra xử lý hành vi gây ô nhiễm môi trường với việc hỗ trợ các đơn vị có liên quan để chấm dứt tình trạng ô nhiễm hiện tại, đặc biệt là tình trạng ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm khí thải.

(iii) Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách và tăng cường thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường KCN. rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường, thanh tra môi trường và phân cấp quản lý môi trường trong các KCN.

(iv) Kiến nghị hình thành Quỹ Bảo vệ môi trường trong các KCN. Quỹ Bảo vệ môi trường là tổ chức tài chính do nhà nước thiết lập, có chức năng huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi trong hoạt động bảo vệ môi trường; tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường; đào tạo, chuyển giao các công nghệ thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn và các giải

pháp bảo vệ môi trường.

4. KẾT LUẬN

Xây dựng và phát triển các KCN là chủ trương đúng đắn của Đảng và nhà nước. Trong hơn 20 năm qua, các KCN đã đóng góp một phần to lớn trong việc thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển không thể tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực cần được nhận diện và khắc phục kịp thời. Trên đây, chúng tôi đã nhận diện những tác động trái chiều và đề xuất những giải pháp khắc phục những tác động ngoài mong muốn đó. Nếu các giải pháp trên được thực hiện mạnh mẽ và quyết liệt, chắc chắn mô hình KCN sẽ là nhân tố đóng góp tích cực hơn vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Bình Giang. 2012. *Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
2. Nguyễn Hữu Dũng. 2009. *Phát triển khu công nghiệp với vấn đề lao động - việc làm ở Việt Nam*. Tạp chí Cộng sản, số 5.
3. Nguyễn Văn Minh. 2011. *Đánh giá tác động của khu công nghiệp tới kinh tế xã hội vùng lân cận*, Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 47.
4. Phạm Nguyễn Ngọc Anh. 2011. *Từ lý luận đến mô hình và hướng phát triển khu công nghiệp sinh thái ở Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 47.
5. Phạm Nguyễn Ngọc Anh. 2013. *Đẩy mạnh tuyên truyền trên báo Đảng về nông dân, nông nghiệp, nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long*. TPHCM: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
6. Phạm Nguyễn Ngọc Anh. 2014. *Đời sống công nhân ở khu công nghiệp, khu chế xuất*, Tạp chí Cộng sản, HSSK số 285.
7. Trần Đình Thiên. 2013. *Tài liệu tập huấn giảng viên các trường đại học, cao đẳng*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8. Vụ Quản lý khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 2015. *Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp năm 2014 và kế hoạch phát triển năm 2015*, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=26801&idcm=207>, truy cập 15/6/2015.